

Chúng tôi thoả mái được đi trong nước bát ngát, miên man.

Nhưng chưa biết các ông lão người Pa Kô, người Chu Ru dẫn chúng tôi thế nào. Trên đoạn đường voi đi, các lão Cờ Tu, các lão Gia Rai ngồi đầu voi, gần chúng tôi. Bây giờ chưa trông thấy ai. Chúng tôi một mình trôi theo dòng nước?

Nhưng rồi, xa xa trên ánh nước lao vun vút lên, mỗi ông lão cưỡi một thuyền độc mộc - cây gỗ tròn rỗng lòng - như con thuyền luồng lội nước. Cây sào trúc là cái bơi chèo vững. Các ông lão đẩy sào như múa, khi chống vào tảng đá, khi ghì xuống mặt sỏi. Đến một thác nước, cho đầu thuyền độc mộc ghéch bờ. Rồi các ông lão đứng ra đầu mỏm, đỡ từng cây gỗ nhô lên mặt sóng, đưa xuống thác. Nếu không nương nhẹ thế, nước trên cao gieo xuống đá. Chúng tôi sẽ gãy như mảnh củi vỡ. Nhưng những cánh tay nổi bắp, đã đẩy khéo cây gỗ thuận chiều xuống thác.

Các ông lão đón gỗ xuống. Tiếng hò kéo gỗ cất lên trong tiếng nước reo âm âm.

Đi trên nước quen rồi, dần dần nhận ra không phải chỉ mình chúng tôi trong chiến đấu với dòng sông ấy. Sông nước cũng là đường ra chiến dịch. Dòng sông chống Mỹ. Nhiều bạn khác đương hành quân với chúng tôi. Chúng tôi gặp lại những bao gạo, những hòm đạn. Gạo và đạn ra mặt trận. Nhưng không phải trên thùng xe, trên lưng voi hay trâu kéo, hay trên vai chiến sĩ dân

LÀNG BÁC HỒ

công. Gạo và hòm đạn được nằm trong bao tải nhựa, những trang bị đặc biệt của hành quân đường sông. Gạo và đạn trong bao nhựa nổi đầy mặt nước. Các chiến sĩ đứng trên thuyền độc mộc và trên các mỏm đá giữa thác, gỡ đẩy vượt thác từng bao đạn, bao gạo.

Từng quãng, gạo và đạn trong ni lông lại được vớt lên, chất như núi bên bờ. Lương thực và vũ khí ấy lại rời đường sông, theo lối khác xuống mặt trận bờ biển. Mỗi tốp đi một ngã, nơi thì voi đến kéo, nơi có ô tô đón, nơi người khiêng, nơi từng đoàn xe đạp thồ. Mỗi mặt trận một lối đi khác. Nhưng các trạm, các kho ven sông, dù ở khuất nẻo đến đâu, ở đâu cũng một vẻ bận rộn, hối hả, vang động, nhộn nhịp mặt nước, vách đá như đây.

Chúng tôi vẫn lặng lẽ đi. Trong dòng sông qua một làn sóng, hai bên quang cảnh đã đổi khác. Những đơn vị xuất quân, đi suốt ngày chưa hết bóng các chiến sĩ. Máy bay địch gầm rú quanh vách núi. Dòng sông vẫn bình lặng, trải dài. Các ông lão đứng trên thuyền độc mộc, cây sào trúc trong tay, tiếng hô sang sảng cất lên.

Một hôm, nghe âm âm như tiếng máy bay trút bom.

- Gì thế, các bố già ơi?
- Không phải bom. Cái thác kêu đấy.
- Các bố lại cho chúng tôi xuống thác như mọi hôm phải không?
- Chưa biết thế nào!

Lại chuyện gì lạ thế. Chúng tôi nhao nhao.

Nhưng các ông lão chưa kịp trả lời, đã phải nhảy cả lên bờ và mũi sào đã cắm khít vào thành đá. Những cánh tay gồng lên cản những cây gỗ khỏi va vào khe.

Cái thác này dài, trông hút mắt sóng dằng xa. Nước nhảy tung lên, tràn lan như cánh rừng hoa ban trắng mờ buổi sáng.

Nhưng các ông lão không đưa chúng tôi xuống thác. Chúng tôi được diu vào bờ, núp trong khe đá.

Ông lão bỏ sào xuống, xong xuôi mới nói:

- Chúng tớ đưa các đảng ấy đến đợi ở đầu thác này thôi.

- Không đi đường nước nữa ạ?

- Không.

Thế thì chưa biết thế nào thật!

Quãng này hai bờ dựng đứng vách đá. Người vào hang đá lạnh, phải nhóm lửa suốt sáng. Ngoài kia, tiếng thác rào rào đổ.

Đôi khi, máy bay Mỹ đoán già, ném bom giữa thác nước. Nhưng tiếng thác đổ hay tiếng bom, nước cứ trắng sôi lên, lẫn lộn không biết đâu, không ai để ý.

Các ông lão chống sào vẫn ở đấy, thức cả đêm đốt lửa trong hang.

Sáng hôm sau, bỗng lừng lững trong khe núi đi ra một đàn trâu. Trâu núi lực lưỡng như những tảng đá biết đi. Lông gố dài, sừng cong tròn nhọn gần chạm nhau

LÀNG BÁC HỒ

thành vòng trên đầu. Mỗi con trâu lặc lư kéo hai cây gỗ ra.

Một đám ông lão dân tộc Vân Kiều chạy trước, chạy sau đàn trâu.

Những cây gỗ trâu kéo đến được dỡ xuống bên chúng tôi.

Toàn gỗ quý của rừng miền giữa Trường Sơn. Gỗ táu đỏ chuyên để tạc tượng. Cẩm lai, ngọc am, mun, kiền kiền, kim giao hoa vân.

Các ông lão Vân Kiều kể. Các lão ông, các lão bà và các cháu đi tìm gỗ. Làng mở hội lấy gỗ. Không kể tháng, không biết ngày. Thấy trời hết mưa, người vào rừng phải đốt lửa mới nhắc nổi tay rìu, biết đã sang mùa khác. Mà cây cổ thụ gỗ chắc quá chưa chặt qua được lối.

Ông lão Vân Kiều hỏi ông lão cầm sào trúc:

- Các người già ở đâu về?

- Chúng tôi đưa gỗ của người Chu Ru, người Pa Kô về đây.

Các ông lão xúm lại kể chuyện. Khói thuốc lá bốc um như khói bếp. Những cây gỗ đứng cạnh nhau cũng tíu tíu làm quen, chẳng khác các cụ các dân tộc đương ngồi đằng kia.

Chúng tôi vui sướng cảm thấy các thứ gỗ nổi tiếng Nam Bộ, Tây Nguyên, Trường Sơn đều đã có mặt ở đây. Mỗi chúng tôi đến được đây mang theo hình ảnh, tấm lòng thiết tha của các dân tộc anh em. Chúng tôi hiểu

chúng tôi đang trên đường đi làm nhiệm vụ cho quê hương. Những bè bạn mới cùng độ đường, đàn voi, con trâu, dòng sông, các ông lão đưa đi, có làm chúng tôi nhớ, nhưng đường xa cũng kích thích chúng tôi hăm hở mong đi nữa, đi an toàn đến nơi.

Một đoàn xe vận tải từ trong sương mù sáng sớm đi tới. Đoàn xe cắm lá ngụy trang xanh ngắt.

Các chiến sĩ lái nhảy xuống, bắt tay các ông lão.

- Chúng tôi đến chậm. Xin lỗi các lão đồng chí. Chúng tôi vừa đưa hàng xuống mặt trận, đến tận đường số 1, trông thấy biển Đông rồi đấy. Khi quay lên, bom Mỹ ném đứt một quãng đường. Các chiến sĩ công binh chữa thông mới đi được. Đi suốt đêm đến đây.

Những cây gỗ chúng tôi lại được ngụy lên các thùng xe ba cầu, rộng thênh.

Các ông lão chia tay chúng tôi ở đầu thác. Thác reo, ánh nước bay như mưa bụi. Ông lão Vân Kiều lặng im, nhả khói thuốc. Đàn trâu đã nằm ngổn ngang, vẫy đuôi, vẫy tai ngay ở cửa hang. Các ông lão nhớ đám gỗ sắp đi xa, đương nghĩ lại ngày hội tìm gỗ quý, cả làng vào rừng.

Ông lão người Pa Kô, tay vẫn cầm sào trúc, nói với theo:

- Gỗ quý! Gỗ quý! Thác nước này không bao giờ cạn, cũng như tấm lòng các dân tộc chúng tôi.

Thế là tôi lại được đi xe. Tôi ngắm đoàn ô tô, ngắm nghĩ những chiếc xe này đã từ phương trời nào đến Việt

Nam. Quê các bạn ở rất xa. Thẩm Dương. Ia-cu-ti. Bá Linh... Mỗi chiếc xe một quê khác nhau, chiếc xe nào cũng một chiến sĩ Việt Nam lái.

Mỗi chiến sĩ, nụ cười đầm đạm trên môi, ra bờ nước, giúp mọi thứ lên xe. Ô lạ, từ lúc đi, mỗi lần đi một cách, một độ đường, nhưng các chiến sĩ đều giống nhau, khi làm quen với chúng tôi, ai cũng nhìn ngấm, trân trọng, quý mến. Biết nhiệm vụ sắp tới của chúng tôi, các chiến sĩ đều sung sướng thay. Cũng như các chiến sĩ lái xe đã chở chúng tôi ở chặng đầu rừng miền Đông. Tôi ngỡ hôm nào chúc nhau gặp lại, bây giờ đã được gặp lại.

Tôi ngần ngơ hỏi:

- Có phải từ mặt trận miền Đông ra đây a?
- Chúng tôi chưa vào miền Đông bao giờ.
- Thế ở đâu tới?
- Ở ngay mặt trận Trị Thiên đây thôi.

Mặt trận nào bây giờ cũng có đoàn xe.

Đoàn xe đưa chúng tôi xuống qua những đồi sỏi vào buổi sáng nắng rực rỡ. Những công sự pháo cao xạ, những bộ phóng tên lửa như con voi con đứng núp trong bụi chuối. Các chiến sĩ trong tư thế sẵn sàng tức khắc chiến đấu. Chúng tôi thoải mái đi giữa ban ngày. Không nghe tiếng gầm gừ của máy bay địch. Trời của ta. Trời cao cao, đẹp lắm, trời của ta.

Rồi những cánh đồng, những làng xóm và lũy tre vờn xa. Chi chít lòng chảo hố bom đã mọc cỏ xanh non.

Người làm ngoài đồng đông nghịt. Đoàn xe phía nam ra, được mọi người chỉ trở, nói cười nhìn theo mãi. Miền Bắc hậu phương lớn của chiến trường có khác, xe gạo, xe súng đạn. Những đoàn bộ đội vào mặt trận, náo nức, rầm rộ, mờ sáng đến tối, đi nối như sao hôm với sao mai, tưởng không bao giờ hết. Đoàn xe thiết giáp đã đi khỏi mà tiếng chuyển động còn rền đất. Những khẩu pháo nghênh nòng. Quả tên lửa nghiêng nghiêng qua cầu, cái đuôi soi xuống mặt nước, loáng như bóng trăng.

Bên đường, các em bé đứng ở cửa lớp học nhìn theo rồi vỗ tay reo.

Những ao ước đầu tiên của chúng tôi đã tới.

Chúng tôi đã đến công trường. Hà Nội xanh cây xanh trời mới tinh tháng giêng. Làn mây phớt nhẹ ánh nắng sớm trên đầu đường phố. Giàn giáo, những trụ móng, những mái kho, mái xưởng đá, xưởng gỗ. Các đội công nhân, những tay thợ giỏi ở các địa phương. Chiến sĩ các quân khu, các quân chủng, binh chủng chọn lọc. Tất cả đứng trên vị trí công việc, ngoảnh mặt nhìn ra.

Hoan nghênh chúng tôi. Chờ đón chúng tôi. Hoan nghênh miền Nam. Chờ đón miền Nam.

Bà Nguyễn Thị Định - Phó tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, mặc áo bà ba đen, quàng chiếc khăn rằn đồng quê. Bà thay mặt đồng bào, chiến sĩ miền Nam - thay mặt đất trời miền Nam có những dòng sông, những miệt vườn, những cánh rừng, những thảo nguyên, những triền núi, đã hai mươi chín năm

LĂNG BÁC HỒ

đánh giặc, vẫn đương đánh giặc, bà Nguyễn Thị Định đưa chúng tôi tới công trường.

Gỗ nu thớ mềm tơ rối. Trắc lõi đen. Trắc nghệ sọng lượn. Hương tía hồng lựu. Đinh hương vàng rợn vân trắng vân huyền. Mun bóng như sừng. Mười sáu loại gỗ quý miền Nam xếp thành tầng chiến lũy sau lưng bà.

Cả công trường im nghe. Xúc động. Nghẹn ngào.

... Từ mảnh đất miền Nam thân yêu, Bác ra đi tìm đường cứu nước.

Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tới nay đã hai mươi chín năm trời, nhân dân miền Nam chưa một lần tận mắt nhìn hình bóng Bác, chưa một lần được hôn tận bàn tay ấm áp của Bác.

... Trong những năm chiến đấu ác liệt với kẻ thù, có những lúc gặp khó khăn tưởng chừng không vượt qua nổi, nhưng nghĩ đến Bác Hồ thì tự nhiên như có sức mạnh diệu kì thôi thúc đồng bào và chiến sĩ miền Nam xông lên chiến đấu để giành thắng lợi cho đến ngày nay.

... Đồng bào và chiến sĩ miền Nam đã lặn lội tìm kiếm trong rừng miền Đông Nam Bộ được những cây gỗ quý đem ra góp phần nhỏ bé vào việc xây Lăng Bác. Cây gỗ nu quý giá sống mấy trăm năm trong căn cứ miền Đông, tượng trưng sức sống kiên cường bất khuất của nhân dân.

Có những niềm vui lớn mà đôi khi, ngay lúc chớm đến, không hiểu được hết. Nghĩ lại hôm ra đi, nay lại càng thấy sung sướng bội phần.

Vinh dự cho tôi là cây gỗ nu rừng miền Đông được cùng gỗ quý miền Nam tới đây.

Chúng tôi mang trách nhiệm thay cho trên một vạn loài của hơn ba trăm họ cây khắp rừng ruộng miền Nam thân yêu tới tham gia làm nhà Bác Hồ.

*

* *

Mùa xuân 1975 vĩ đại nhất tất cả các mùa xuân trên trái đất.

Công trường nô nức dồn dập tin về.

Phước Long đuổi địch chạy tan tác. Ra đòn biết tay mở đầu của quân giải phóng. Thế là những cánh rừng quê tôi đã giải phóng.

Nhớ lại, mấy trăm năm sinh sống, bỗng có con đường đi qua. Rồi kẻ thù đến đốt cháy tất cả. Nhưng con đường cứ lớn lên, đường người đi thành đường xe. Cả đến đám cỏ tranh sùi gốc cũng không thể chết. Những khóm riềng hoa đỏ chen màu hoa tím bằng lăng, khi mùa xuân đến, khóm riềng và cây bằng lăng vẫn tung hoa rợp rừng. Trong rục rở hôm nay, nhớ những gian khổ ấy, những tin tưởng ấy.

Rồi trận sấm sét Buôn Mê Thuật. Buôn Mê Thuật giải phóng rồi. Các ông lão người Cờ Tu, người Gia Rai, hôm nay chắc đương cưỡi voi ra tỉnh giải phóng chơi.

Công trường chúng tôi càng sôi nổi. Người công

LĂNG BÁC HỒ

nhân Lăng Bác Hồ - bác già thợ ngoã ở tỉnh, thợ đá An Dương, bác phó sơn then Hà Bắc, thợ đúc đồng Ngũ Xã. Các kĩ sư, kiến trúc sư, công trình sư... chúng tôi càng phấn khởi, càng lo. Bởi chúng tôi hiểu nơi Bác Hồ nghỉ phải là hội trường chiến thắng, cả nước quây quần quanh Bác Hồ đón ba mươi năm cách mạng thành công.

Những cây gỗ quý miền Nam vào việc giữa những ngày giờ vĩ đại ấy của đất nước.

Chúng tôi được tới xưởng mộc. Những cặp thợ cừ khôi. Khởi đầu thi đua, chú cháu ông Bối thợ xẻ Nam Định đã xẻ xong gọn trên nghìn thước vuông.

Các bác thợ cho biết công trường đã dành cho chúng tôi được hạnh phúc đặc biệt. Cây gỗ nu sẽ thành những tấm cánh cửa Lăng Bác Hồ. Cửa ngoài cùng. Cửa phòng khách. Cửa phòng Bác Hồ nghỉ. Và tất cả các bộ cửa Lăng đều bằng gỗ quý miền Nam.

Bác thợ xẻ già vỗ vỗ hai tay lên mình tôi, nói thầm thì: "Miền Nam đây, miền Nam đây...". Hai con mắt bác đã nhăn nheo đuôi còn long lanh lên, như mừng, như sắp rơi nước mắt.

Tôi chưa hiểu hết được ý nghĩa câu nói và nỗi mừng nỗi lo của bác thợ.

Bác thợ xẻ vẫn tỉ mỉ ngắm tôi, rồi lại đưa bàn tay xoa vân, xoa thớ tôi. Bàn tay người thợ lành nghề vuốt đến đâu, ấm áp, dễ chịu, tôi có cảm tưởng được ngay tinh thần tài hoa cùng hiệp thợ với bác.

Tôi hỏi chuyện tự nhiên:

- Bác người quê đâu ta?
- Vùng bể Giao Thủy.

Bác thợ dừng tay, nhìn lâu vào những vết tím dài trên mình tôi. Bác bắn khoăn.

Bác khẽ hỏi:

- Lúc đi đường ra đây bị giập thớ à? Vết giập mà khứa vào đến lõi thì phải loại. Tiếc quá.

Biết thế nào đây. Bàn tay bác thợ già cũng là bàn tay thày thuốc khám sức khỏe. Tôi im lặng. Tôi lo. Tôi biết những vết thương ấy không phải là giập thớ. Voi kéo tôi gượng nhẹ, êm lăm. Còn trôi trên dòng sông thì khác nào nằm đệm bông, lúc xuống thác đã có bàn tay sông nước lão luyện của các ông già đỡ. Đây là sẹo vết thương. Những mảnh đạn Mỹ còn cắm sâu trong thân tôi.

Nó đã làm hại tôi, mảnh đạn còn trong đó hay cơ thể cường tráng của tôi đã nghiền nó chết nát trong ấy rồi? Nếu tôi bị loại thì sao? Tôi không dám nghĩ thêm nữa.

Lúc ấy, một chú thợ phụ chạy đến nói to:

- Tổ ta được xẻ cây nu này, bố ạ!

Bác thợ gật gật: "Được được", rồi lại nói tiếp chuyện:

- Con trai út lão đấy. Kén hàng trăm người, cả hàng huyện chỉ chọn được tám, mà có hai bố con tôi. Thế có sướng không?

Tôi đương buồn. Tôi hỏi ngơ ngẩn:

- Anh đây là con lớn của bác à?

LÀNG BÁC HỒ

- Không, hai anh nó đi công tác. Một là công an vũ trang ở Tây Bắc. Một vào Nam chiến đấu.

Tôi nhớ lại, bây giờ mới hiểu ra những tiếng bác thăm thì: miền Nam, miền Nam đây... Bác nghĩ đến con trai bác ở chiến trường miền Nam.

Bác lại hỏi:

- Đi đường bị vấp thành sẹo à?

Tôi buồn rầu đáp:

- Không ạ.

- Sao lại sút cả mình mẩy lên thế này?

Tôi kể cho bác nghe trận đánh năm ấy. Những chuyện chiến đấu gian khổ trong rừng miền Đông. Dạn và bom giặc Mỹ đâm tôi, na-pan thui tôi thế nào. Nhưng tôi không ngã. Tôi vẫn là lá chắn che đạn cho anh chiến sĩ giải phóng. Máy bay rải chất độc hoá học. Tôi sống như thường. Tôi vẫn hiên ngang. Đất rừng đã cho tôi sức mạnh ghê gớm đến thế. Bác thợ xẻ ạ, một cái cây, một tùm cỏ ở miền Nam cũng mang vết thương trên mình như tôi.

Bác thợ ngồi lặng yên, một tay chống cằm. Mắt bác dăm dăm nhìn tôi hay là bác nhìn tận đâu. Nhưng tôi đoán bác đang nhớ con trai.

Rồi bác đứng dậy, vung một tay lên. Như nói với cậu con út đứng cạnh, lại như kể cho tôi nghe:

- Cây gỗ nu này thật quý. Thân to hàng sải, thợ đến mấy trăm năm rồi đấy. Gỗ nu có sức bền làm bộ cửa ngoài

thì đẹp. Nhưng chỉ lo những vết đạn thối vào tận lõi.

Tôi bàng hoàng theo từng tiếng nói của bác thợ. Những giờ phút chờ đợi quyết định thật nặng nề.

Xưởng gỗ trên công trường thật tấp nập mà lại nhẹ nhàng, rất riêng. Ngoài kia, những đoàn xe vận tải ba cầu, năm cầu rầm rầm qua lại. Những chiếc cần cầu vàng choé cao lều đều quay tìm vật liệu để móc. Những cánh tay máy cất lên hạ xuống, nhanh đến hoa mắt. Tiếng động máy móc, tiếng hát, tiếng xè xè xin xít dây chuyền tự động mắc như tơ cửi, tiếng loa truyền tin rộn rã.

Nhưng trong xưởng gỗ thì lúc nào cũng êm ả.

Công việc âm thầm, kiên nhẫn, tỉ mỉ soi thử, tìm vân, bắt đầu. Bộ cửa Lãng phải mang được hết vẻ đẹp tự nhiên của mỗi phiến gỗ. Lên khuôn, đấu vân lại, hai thanh gỗ tiếp nhau như một thớ, sáng diện cực mạnh rọi kiểm tra cũng không ra vết chấp. Phải được như thế.

Chỉ có cửa bằng tay mới bảo đảm được những óng ả hồn nhiên ấy. Con mắt và bàn tay người thợ giỏi đưa lưỡi cửa uốn éo đường xẻ xuyên tâm, giáp tuyến, lướt những nứt, những mắt, những sâu, những bọng - bệnh gỗ và những bệnh của máy bay Mỹ reo rắc: cháy sém, mảnh đạn cắm...

Các tay thợ khéo nghề mộc các nơi đã về cả đây. Tài hoa thợ ngoã Việt Nam đã từng dựng thành quách, đài tạ, nhà cửa khắp đất nước. Thợ mộc Bình Lục, Thái Yên, vùng bể Giao Thủy, vùng núi Yên Thế, vùng Nghệ An, Hà Tĩnh. Các cụ thợ ngoã Hà Tĩnh đã sáu mươi lăm

tuổi, cầm bào từ thuở làm phó nhỏ, cũng đeo hòm nghề ra thi tài.

Một dãy hơn năm chục cặp thợ xẻ thấp thoáng dưới mái lán. Lưỡi cưa mỏng như ngọn cỏ tranh, lên xuống nhẹ nhẹ. Mạt cưa gỗ dổi hương, kim giao miền Đông, trầm thương, hương tía Tây Nguyên, bay như mưa bụi, thơm hồng một vùng công trường.

Bố con bác thợ cặm cũi xẻ gỗ. Mình tôi dựa nghiêng vào lớp giàn tre. Mạt cưa tôi buông như rắc phấn. Mạch xẻ tiếp tuyến dần dần nổi vân, thật khéo.

Nhưng mỗi lúc đường cưa vào sâu, tôi càng bần khoản. Không biết những vết thương cũ có còn theo đuổi hại tôi? Liệu tôi có được tuyển làm gỗ cửa Lăng?

Bố con bác thợ vẫn thông thả chuyện. Hai tay đưa cưa dẻo đều và hai mắt kính người bố chăm chú ngược lên mạch xẻ.

- Con trai thứ hai tôi là bộ đội giải phóng. Học sinh vùng biển Giao Thủy năm ấy tốt nghiệp lớp mười trường huyện đều xung phong đi bộ đội. Ô, thư gửi về kể chuyện chiến trường y hệt vùng rừng miền Đông đấy. Những lô cao su kín âm u. Những vùng rừng đất cát pha, có cây gỗ nu cổ thụ. Buổi chiều, từng đàn diệc đỏ bay rực trời, như ánh nắng trở lại đậu trên cây. Con trai tôi cũng ở đội trinh sát trung đoàn. Ở nhĩ, cũng giống cánh rừng ấy...

Tôi bồi hồi nói:

- Bác ơi! Hay là chiến sĩ ấy... Anh ấy quê ở cửa sông

Hồng... Hôm ấy, tôi đã là công sự che đạn cho anh ấy. Những mảnh đạn Mỹ cắm vào tôi còn mang theo đến tận bây giờ. Hay là anh ấy là con bác, bác ạ.

Bác thợ cúi xuống, ngừng đẩy lưới cửa. Bác rút chiếc khăn mặt vắt vai chấm mắt, rồi bác cầm cái giũa nhỏ gạt gạt mép răng cửa, như người kéo nhị - thói quen mỗi lần nghỉ tay bác vẫn đánh sắc lại răng cửa thế.

Lúc ấy, tôi mãi nhớ lại quang cảnh mặt trận ở gốc cây và nhớ anh.

Bác thợ vẫn thông thả nói, giọng bình thản:

- Chú mình ạ, nhưng mà sáu năm nay rồi, tôi chưa được cái thư nào của nó. Chắc không phải nó ở miền Đông.

Từ lúc ấy, tôi lại nghĩ chính anh là con bác thợ. Niềm tin đã làm tôi vui thích và yêu mến bác. Nhưng tôi chịu, nào biết được tại sao sáu năm nay con trai bác không có tin tức. Tôi nhớ lúc bấy giờ, bom na-pan mù mịt, lửa cháy rực. Tôi không trông thấy anh nữa. Mấy hôm sau, quanh tôi chỉ còn những đống than đen nham nhở. Không biết anh chạy thoát hay anh đã bị chết vùi trong đống than.

Bác thợ đặt lưới cửa vào đường xẻ, lấy tay xoa bụi mặt cửa trên lòng gỗ rồi đôi mắt kính bác cúi xuống, nhìn lưng tôi.

Hai bố con cùng chăm chú.

Bỗng cùng reo lên:

- Sẹo đạn không chạm vào lõi. Không việc gì. Không

LÀNG BÁC HỒ

việc gì!

Tôi mừng đến nghẹn ngào. Tưởng như đương trở lại những mùa xuân trước. Muôn vật hớn hở trong rừng. Nghe rõ hơi nước nguồn ẩm áp hút vào rễ, rạo rục ngược thân mình, chan hoà lên từng chiếc đuôi lá.

Những đường cửa xuyên tâm đã cho người thợ trông suốt được thớ gỗ. Tốt rồi, tốt! Bác thợ nói. Trận mưa đầu mùa hạ trong rừng đã kiệt nước cũng chỉ được khao khát đến như câu nói ấy.

Khoanh gỗ từ thân tôi tách ngang ra. Tôi trông thấy trong thớ những vết thâm dài như nhát chém. Có chỗ nổi cục mảnh bom như vảy móng cá sấu. Lưỡi cửa đã lách khéo, tránh qua những vết thương bấy lâu phải mang trong mình. Nhờ sức lớn của tôi, da thịt tôi đã chống đỡ được rồi liền sẹo. Bom Mỹ không giết nổi tôi. Vết thương phải nằm đấy. Tôi đã lấn lên nó. Nó không chạm vào được ruột gan tôi. Tôi dám chắc dù thẳng Mỹ chui cả vào bụng tôi, cũng chẳng làm gì nổi. Tôi đã vượt lên hết.

Tôi hấp tấp hỏi:

- Tôi đứng được bộ cửa, hả bác?
- Được lắm.

Thì ra giác gỗ tôi bị thương, nhưng lõi tôi vẫn như nguyên.

Thế là câu được ước thấy.

Tôi ra khỏi lò xẻ. Bác thợ gác cửa, cất con nạy. Tôi

lần lượt được đưa vào các phân xưởng.

Vào phân xưởng một là vào phòng "y tế". Các công nhân ở đây lo thuốc men tắm bổ cho tôi thích nghi với thời tiết Hà Nội. Độ ẩm trung bình Hà Nội mười tám phần trăm. Chúng tôi phải được sấy cho ngót, mà trong mình vẫn giữ độ hơi thấp hơn. Cách ấy phòng bệnh sâu, mọt, chống nứt toác, nứt chân chim, chống co.

Khó nhọc cho anh gỗ gụ đen nhiều ẩm, phải nằm lò cho sấy dịu liền ba tháng, đến kiệt sạch ẩm trong mình. Không thể ngót nữa, thế là được thuốc phòng tốt.

Sang phân xưởng mộc. Phoi bào xoèn xoẹt cuộn lên như pháo hoa. Cái tràng, cái đục suốt ngày múa bài bông. Tiếng cóc cách phách buông gõ nhịp điệu múa.

Mặt gỗ lần lượt nổi hình gọn ghẽ trong hoa tay người thợ.

Các thớ gỗ vân hoa lên muôn vẻ kì ảo như gió thổi tràn qua cả những chỗ giáp mộng hai tấm. Mộng đơn giản mà chắc khoẻ, không phải chốt, như giắt hoa, câu hoa nối nhau, hoà hợp, mềm mại, uốn éo bay trên khớp mộng, không phân biệt được đâu chỗ gỗ nối. Những khớp mộng mòi thật tài tình - kiểu mộng gia truyền của bác thợ đã bốn đời theo nghề tổ.

Chúng tôi đã hết những nỗi buồn vẩn vơ, loảng quảng. Chỉ còn một điều lo làm sao mọi công việc xong được trong tháng tám đã định. Nhưng hối hả lo công tác, không giống cái luẩn quẩn làm ồm yếu đầu óc. Chúng tôi thanh thoi công tác với các tổ thợ. Tuỳ sức, tuỳ tính

LĂNG BÁC HỒ

nết và mặt mũi, dáng dấp chúng tôi, các công nhân sửa soạn cho vị trí chúng tôi mỗi nơi khác nhau.

Bộ cửa một tấm cánh nặng trên năm tạ. Gỗ trắc vân tươi tắn như hoa được lĩnh nhiệm vụ đón khách vào, vừa trang nghiêm vừa khéo. Trắc thật đẹp trong công việc đưa đón thế. Ở ngoài cùng, ngày đêm đối mặt bốn mùa, mà vẫn nguyên vẻ, vân gỗ trắc mới giữ được độ ẩm thích hợp với nắng gió.

Những cửa chính đã có gỗ trắc đen Nam Bộ.

Gỗ nu tôi ở cửa nhà khách và cửa phía tây, trông ra những bụi cây tre Cao Bằng. Cửa phòng Bác Hồ nghỉ thì bằng gỗ hương tía Tây Nguyên.

Riêng trắc nghệ quê Trường Sơn, mảnh khảnh mà dẻo, viền các lan can ngoài.

Thế là tôi được thành bộ cửa trong Lăng Bác Hồ. Tôi được đứng đây. Hôm nay gặp lại anh. Đúng như lời hẹn khi chia tay. Thế nào chúng ta cũng gặp lại nhau. Lời hẹn và lòng tin đưa chúng ta gặp lại nhau.

*

* *

Đương vui chuyện, tấm cửa gỗ nu vẫn tiếp tục nói:

- Tôi nhớ tỉ mỉ những ngày ở xưởng gỗ, bàn tay khéo của những hiệp thợ giỏi đã xẻ, đã bào, đã đục, đã ghép, đã chạm trổ, tạo thành cuộc đời mới của tôi.

Anh ạ, tôi nhớ nhất một kỉ niệm này.

Lúc ấy, các mộng đã giáp ướm, tôi thành hình bộ cửa mộc, nằm ngả dài rộng, chập cả gian xưởng. Tay bào bác thợ vừa đưa, cái thước tay đã ướm khít mặt gỗ. Rồi, sáp ong và lá chuối ngự khô, làm lối cổ truyền, những đồng chí thợ trẻ đánh cho mặt gỗ nổi vân. Rồi gôm lác trộn xi trắng miết vào, theo kiểu mới, đường gỗ càng lên nước đẹp tự nhiên.

Bác thợ bảo tôi:

- Tổ sửa sang cho khuôn mặt đằng ấy lên vân soi gương được nhé! Cho đằng ấy nhìn lại xem mặt bố con tổ có giống anh chiến sĩ miền Đông không nhé!

Đã lâu, mãi việc, không nghe bác thợ nói chuyện về anh con trai đi bộ đội. Giờ tôi mới biết chẳng lúc nào bác không nghĩ đến con.

Mặt gỗ đã bóng không khác tấm gương. Nhưng tôi làm sao nhận ra mà so sánh được, dù tôi vẫn nhớ như in nét mặt anh hôm ấy. Đôi mày anh nhú như chum lại. Mắt anh rực lửa. Nhất lúc anh ngấm bắn xâu táo. Hai thằng Mỹ chết như hai con mối nằm trên gò đất. Tôi không thể trả lời. Tôi không làm vui lòng bác được. Tôi bắn khoản lăm. Tôi cứ bắn khoản từ độ ấy.

Nhưng từ nãy gặp lại anh, tôi có một định ninh kì lạ. Tôi nghĩ anh chính là con bác thợ ngoà quê vùng biển Giao Thủy đã làm nên đời tôi hôm nay. Có phải không? Anh cũng học hết lớp mười rồi xung phong đi bộ đội chứ gì?

Anh chiến sĩ cười to:

LĂNG BÁC HỒ

- Ủ, mình học lớp mười. Nhưng mà trong bộ đội có cả vạn cậu học hết lớp mười, đếm thế nào xuể.

Tôi hỏi:

- Câu chuyện bác thợ ngoã tôi kể có giống giống chuyện nhà anh không?

Anh chiến sĩ lại cười. Cái sẹo cháy na-pan một bên má anh nhăn lại. Vết thương ở trận na-pan hôm ấy. Đường như xúc động, anh cúi xuống, nói nho nhỏ:

- Quê tôi cũng ở dưới Giao Thủy.

Rồi anh chiến sĩ kể năm đi bộ đội, anh vừa mười tám. Nhà anh có ba anh em. Ủ, bố anh là thợ mộc. Nhưng anh ấy lại nói những năm ấy cả nước đương sôi nổi đánh Mỹ, trong các phòng tuyến quân vùng biển - ở cửa sông Hồng, bao nhiêu thanh niên mười tám, đã xung phong đi đăng kí quân sự, không thể đếm hết được. Mà nghề mộc ở Giao Thủy, ở Bình Lục, ở Ý Yên, cả tỉnh Nam Định Hà Nam, đâu cũng có thợ khéo.

Tôi hỏi, băn khoăn:

- Thế anh đã về quê Giao Thủy chưa?

Anh nói:

- Tôi đến kính thăm Bác Hồ trước đã.

Tôi bỗng vui hẳn lên. Tôi muốn câu chuyện đầu tiên giữa bố con anh, phải là anh kể lại câu chuyện kì lạ này.

Tôi thiết tha nói:

- Mai kia, anh về thăm nhà, nhớ nói anh và tôi đã

gặp nhau ở đây. Nói thế, bác nhớ ra ngay thôi.

Tôi nghĩ về những cuộc phiêu lưu, những gặp gỡ lạ kì trong đời. Bước đường từ miền Đông đến đây. Không thể tưởng trước rằng bác thợ già, anh chiến sĩ và tôi có những liên quan tình cảm đến thế. Tôi nghĩ như thế, tin như thế. Cả nước về Lãng Bác Hồ. Bóng người bốn phía bước tới in lên mặt cửa và tường đá. Tôi tin rồi sẽ gặp lại tất cả các chiến sĩ đã từng qua góc rừng ấy, gặp lại các chiến sĩ lái xe đã đưa tôi đi, các đội du kích và các ông lão Cờ Tu, Ê Đê, Gia Rai, Pa Kô, Chu Ru, Vân Kiều... Đến Lãng thăm Bác Hồ, thấy mặt quê hương, càng tỏ mặt quê hương.

III

Con tàu cứu người trong truyện "Nhật kí chìm tàu" Bác Hồ đã viết từ hơn nửa thế kỉ trước. Con tàu cứu người, chúng con nay được trở về vịnh viễn Việt Nam.

1

Quảng trường Lăng Bác Hồ ánh điện sáng xanh. Một vùng xanh dịu. Như thực. Như mơ. Như đường viên băng khuâng quầng sáng mát chân trời, khi mặt trăng mười sáu sắp nhô lên.

Ở thành phố, đã thành thói quen, những buổi tối đẹp trời, các cháu đến chơi trong ánh sáng trước Lăng Bác Hồ. Các cháu chạy tung tăng. Các cháu đánh cầu. Tiếng hát thanh thanh, riu rít. Có cháu nhỏ, mẹ dắt tay, chân sáo nhớn nhơ qua những lối viên sỏi giữa ô cỏ bát ngát.

Cả khu Lăng như một con tàu vào bến. Con tàu Việt Nam vừa vượt vùng giông bão đại dương và sương mù, vào đến quang sáng đầm ấm tiếng người trên cảng.

Trông lên con tàu lóng lánh.

Nhớ những lời Bác Hồ. Sự nghiệp cả đời Bác Hồ đã ước mơ và hành động tới thành công.

Lời nói của mơ ước và hành động bao giờ cũng toả sáng, xẻ đường tới đích cuối cùng.

Bạn đọc yêu quý, bạn có nhớ hơn ba mươi năm trước, khi toàn dân chuẩn bị Tổng khởi nghĩa làm Cách mạng tháng Tám 1945, đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân Việt Nam được thành lập ở chiến khu Cao-Bắc-Lạng.

Bác Hồ chỉ thị:

... Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam ta.

Quả như thế, đội quân anh hùng đã chiến đấu hơn ba mươi một năm, tới mùa xuân 1975, đặt chân tới Sài Gòn giải phóng.

Làm như lời Bác Hồ, đội quân anh hùng đã đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam.

Bạn có biết nửa thế kỷ trước, Bác Hồ đã sáng tác tác phẩm "Nhật kí chìm tàu", truyện về những số phận con người trôi dạt trong bão biển. Đây là số phận hầu hết con người trên trái đất bấy giờ, những người nghèo khổ

LĂNG BÁC HỒ

châu Á, châu Phi phải bán mình cho bọn buôn người sang làm nô lệ bên kia đại dương. Nhưng con tàu cứu người, con tàu cứu người đã đến.

Châu Á, châu Phi, châu Mỹ-la-tinh đã vùng lên.

Người chép chuyện xin kể lại ý nghĩa sáng tác dự đoán tương lai thế giới hôm nay của Bác Hồ.

*

* *

Trên mặt biển⁽¹⁾

Những ngọn sóng đổ xuống, tràn xa.

Từ từ đằng kia, trôi lại những mảnh gỗ. Dấu vết sót lại của một cơn bão.

Vượt qua biển.

Cướp của

Giặc biển đến

Tất cả đau thương

Chúng mỉm cười

Việc ấy, màu mây trên trời cũng nhớ

Lòng đau không cách gì quên

... Người da đen bị thúc đi

Làm phu

Khắp các miền

(1) Đoạn viết thể kịch này viết theo bài "Trên đường đi tìm "Nhật kí chìm tàu" của Hồ Chủ tịch" của Ninh Viết Giao (Tạp chí Văn học số 5/1971), tài liệu sưu tầm về tác phẩm "Nhật kí chìm tàu" của Hồ Chủ tịch.

Khai quặng, đào mỏ
Chiếc roi dững dưng
Chưa lúc nào thôi đánh đập
Khi người da đen ngã gục
Ôi thôi, mạng chung!⁽¹⁾

Một mảnh ván trôi đến. Một cảnh hãi hùng hiện ra trước biển cả mênh mông. Trên mảnh ván, nhấp nhô một lữ người. Sóng ào qua, quét một người ngã rời mảnh ván, hai tay còn chới với lại.

Mỗi lần sóng ập đến, người chìm đi.

Đám người sống sót lại ngoi lên trên mảnh ván. Những nét vạc sâu trên mặt nhợt nhạt. Những con mắt như sắp lồi ra.

Một chuyến tàu tải nô lệ đến vùng đất mới châu Mỹ cho bọn tài chủ da trắng. Tàu từ châu Phi hay châu Á tới đằm ở đây, không biết.

Con sóng từ lưng chừng trời dội xuống. Mảnh ván chìm úp. Những bàn tay bấu mép ván. Những bàn tay buông rời.

Mặt biển trắng băng.

Mảnh ván lại nổi. Còn hai người lại từ từ ngoi lên. Một người da đen. Một người da vàng.

Kmi-nô - Mấy ngày rồi?

Điễn - Biết được.

Kmi-nô - Chết hết cả tàu rồi a?

(1) Bài hát buồn - thơ Ni-cô-la Ghiden (Cu Ba).

LÃNG BÁC HỒ

Điền - Chúng ta còn sống.

Kmi-nô - A, còn sống!

Điền - Vẫn sống!

Kmi-nô - Tôi vẫn giữ được cái trống này.

Điền - Giỏi đấy.

Kmi-nô - Châu Phi có cái gáo quả bầu mức nước uống, châu Phi có cái trống làm vui tai. Cai thầu bán tôi cho chủ đồn điền. Nhưng tôi không bán cái trống, tôi không bán quả bầu mức nước.

Người da đen ấy ngồi xuống, uốn ngực đẩy cái dây đeo trống đằng sau ra trước bụng. Một bàn tay xoè đặt lên mặt trống. Nhưng ngón tay không đụng đập nổi.

Tiếng trống tưởng tượng bập bùng, bập bùng xa xa.

Vượt qua biển

Cướp của

Giặc biển đến

Tất cả đau thương

Chúng mỉm cười

Việc ấy, màu mây trên trời cũng nhớ

Lòng đau không cách gì quên

Cây cối bị chặt

Đồng cỏ bị cắt

Quặng sắt, châu ngọc

Tất cả bị chở đi

Vượt biển, vượt biển

Sông cuộn nước mắt người da đen

Đoàn người bị đẩy xuống thuyền

Việc ấy, màu mây trên trời cũng nhớ
Lòng đau buồn không cách gì quên.

Người da đen bị thúc đi
Làm phu
Khắp các miền
Khai quặng, đào mỏ
Chiếc roi dững dưng
Chưa lúc nào thôi đánh đập
Khi người da đen ngã gục
Ôi thôi, mạng chung!

Vượt biển, vượt biển
Hai ta sánh vai đi
Cùng đi theo ta
Nỗi buồn của người đau khổ
Việc ấy, màu mây trên trời cũng nhớ
Lòng đau buồn không cách gì quên.

Kmi-nô - Nghe đâu có tiếng hát.

Diễn - Tôi cũng nghe tiếng.

Kmi-nô - Anh cũng nghe thấy a?

Diễn - Ủ!

Kmi-nô - Đây là tiếng hát trên bờ sông Cubangô.
Trời ơi, làm sao tôi có thể quên. Tôi vào sở mộ phu lấy
tiền về đưa cho vợ con. Tôi nói rằng đồng tiền này đồng
tiền chết đây. Cả làng trông đồng tiền, biết thế là tôi đã
phải bán mình cho chủ da trắng.

LĂNG BÁC HỒ

Tôi không còn là tôi. Tôi phải trốn đi. Ở đâu bên kia bờ sông. Ở đâu bên kia đại dương. Tôi không còn là tôi đâu. Ngày mai, ngày kia, hôm qua người đi mua nô lệ đem súng, đem cùm đến cửa lều còng tay tôi lại, tróc cổ tôi đi.

Trời ơi, tiếng trống. Không, tiếng ma, tiếng đưa ma. Không phải tiếng trống... tiếng trống... không... phải... Anh có biết không, ở bờ sông Cubangô, người làng tôi chỉ đánh trống khi có người chết. Tiếng trống gọi hồn người chết nào còn biết thương người sống thì trở lại...

Hay là tôi chết rồi? Hay là hồn tôi nghe thấy tiếng trống của vợ con đang gọi hồn tôi về?

Diễn - Không, anh không chết.

Kmi-nô - Tôi đang sống à?

Diễn - Anh sống.

Kmi-nô - Ừ nhỉ. Nhưng mà chúng ta còn sống được bao lâu. Anh nhớ không?

Diễn - Tôi nhớ.

Kmi-nô - Buồn lắm.

Diễn - Tôi nhớ bây giờ trên mặt biển, ở mảnh ván này chỉ có hai chúng ta. Không biết lúc nào thì chúng ta buột tay... Không, không, phải cố lên...

Kmi-nô - Tôi có thể chết nhưng anh phải sống. Ở quê tôi, người đi sa mạc hay đem theo con lạc đà. Gặp bão cát hay mất đường, hết lương, hết nước, thì cắt mạch máu cổ lạc đà. Cứ hút máu cổ lạc đà mà đi cho đến khi

tìm lại được đường, cho đến khi ra khỏi cơn bão cát.

Diễn - Không, anh là bạn đường của tôi. Anh không phải con lạc đà.

Kmi-nô - Không nên chết cả hai người.

Diễn - Chúng ta không chết. Chúng ta vẫn ngồi đây. Trời cao bề rộng trước mặt chúng ta. Không, không thể chết.

Làn sóng mù mịt, trào nước lên, lấp kín cả.

Một lát, hai người lại nhô ra.

Diễn - Một cái chấm.

Kmi-nô - Tôi chẳng nhìn thấy gì.

Diễn - Một cái chấm. Tôi trông rõ.

Kmi-nô - Có thể là mảnh ván. Hay một xác chết trôi từ hòm tàu đắm.

Diễn - Không, đằng chân trời...

Kmi-nô - Hay là đàn cá mập.

Diễn - Không, một cái chấm.

Kmi-nô - Cá voi.

Diễn - Không có lẽ.

Kmi-nô - Xác chết, cá mập, hay cá voi, toàn những cái chết cả thôi.

Diễn - Tôi trông rõ cái chấm đen đương tới, đương to dần...

Kmi-nô - Tôi không còn hi vọng gì đâu.

Diễn - Đừng ngã, đừng ngã đấy.

LÀNG BÁC HỒ

Kmi-nô - Trời ơi!

Điền - Có thể một cái thuyền.

Kmi-nô - Cái gì?

Điền - Không, có thể một cái tàu.

Kmi-nô - Ở đâu?

Điền - Một cái tàu đang đi về phía chúng ta.

Kmi-nô - Có thật thế không?

Điền - Kìa kìa...

Kmi-nô - Ô, một cái tàu.

Điền - Chúng ta sống rồi.

Kmi-nô - Tôi lại nghe tiếng trống. Ở hay, không phải tiếng trống gọi hồn người chết ngoài bờ sông. Tiếng trống của đám người làng trong đồng mía. Anh có nghe tiếng trống không?

Điền - Chiếc tàu, một chiếc tàu đang đi lại đây.

Kmi-nô - Chiếc tàu nào?

Điền - Không biết. Một con tàu. Một con tàu đến cứu chúng ta.

Kmi-nô - Hay là cái thuyền.

Điền - Không phải.

Kmi-nô - Cái thuyền đi hái dừa ngoài cửa sông Cubangô về.

Điền - Không phải cái thuyền.

Kmi-nô - Thuyền trảy dừa ở quê tôi to lắm. Dừa chất lên cao như thành tàu. Tôi lại được về cửa sông quê tôi

ư?

Diễn - Đã trông rõ cái tàu.

Kmi-nô - Trời ơi, cái tàu thật ư?

Diễn - Cái tàu thật.

Kmi-nô - Tôi sợ lắm. Thà tôi buông tay ra tôi chết ở đây.

Diễn - Không được. Không nên.

Kmi-nô - Tôi sợ cái tàu buôn người lắm rồi. Tôi đi đâu, tôi về bờ sông hay tôi trở lại cái tàu buôn người. Suốt mùa hè vừa qua tôi nằm ngửa mặt lên trời. Mưa nắng đêm ngày cũng thế. Con lợn chúng nó còn biết để chỗ tránh nắng trong cũi. Những con người này thì không. Tôi không còn bụng dạ nào bước chân lên cái tàu lần nữa.

Diễn - Những cảnh khổ à? Những cảnh khổ à? Quê tôi chỉ toàn một cánh đồng nước. Mọi được hạt thóc trong nước lên mà ăn, không phải dễ dàng gì đâu. Mỗi năm, chết đói một núi người. Tên tôi là Diễn, nghĩa là ruộng mà tôi không có một tấc đất. Cái tên chỉ là điều mong ước. Chúng tôi phải ra đi. Người ta đưa chúng tôi đến bờ biển. Đến đấy, mới biết những thằng đi mua người đã bán chúng tôi cho chủ tàu rồi. Người ta giơ súng hai bên lùa chúng tôi lên tàu. Chưa hết đâu. Ngoài biển, từ châu Á đến đây, mấy lần thay tàu, mấy lần đổi chủ khác. Hàng trăm người chết, phải ném xác xuống bể. Chúng nó nói: đến Tân thế giới thì kiếm được cái ăn. Nhưng chưa đến Tân Thế giới, đã lại đổi chủ khác.

LÀNG BÁC HỒ

Chúng nó mua bán người trên mặt nước. Không biết còn đi đâu.

Kmi-nô - Thôi thôi đừng kể nữa.

Diễn - Không bao giờ quên được những đau khổ ghê gớm ấy.

Kmi-nô - Không bao giờ bước chân lên cái tàu nữa.

Diễn - Đến gần lắm rồi.

Kmi-nô - Tôi chết...

Diễn - Không.

Kmi-nô - Chết trong biển còn thấy được tự do.

Diễn - Chết là hết.

Kmi-nô - Không bao giờ lại làm nô lệ.

Kmi-nô buông tay nắm mảnh ván, toan gieo mình xuống. Nhưng Diễn đã nắm cánh tay bạn lại.

Diễn - Không nên.

Kmi-nô - Tôi không thể làm con cừu cho người ta bán.

Diễn - Tôi cũng thế.

Kmi-nô - Thế thì chỉ còn một cái chết.

Diễn - Nhưng chết là hết. Chỉ có sống mới có thể đổi khác.

Kmi-nô - Anh bảo thế nào?

Diễn - Chúng ta cần sống.

Kmi-nô - Nhưng không làm nô lệ.

Diễn - Không, không...

Kmi-nô - Không bao giờ trở lại cái tàu ấy nữa.

Cái tàu lớn đã lừng lững đến. Cả một bên sườn tàu xám mờ như một cơn mưa chụp lên hai người đang chập chờn đầu sóng.

Kmi-nô cúi gục xuống như lả đi. Điền kéo tay lặn đứng lên.

Điền - Cái thang dây! Cái thang dây!

Kmi-nô - Cái lưới lê đấy.

Điền nắm tay vào thang.

Điền - Cái thang dây cứu ta.

Kmi-nô nắm tay vào thang.

Điền - Thấy không? Thấy không? Kìa, cờ đỏ! Cờ đỏ!

Kmi-nô - Cái gì?

Một ánh cờ đỏ khé rục rở toả ra, kín cả khoảng trời trên thành tàu.

Điền - Cờ đỏ! Cờ đỏ!

Kmi-nô - Cờ... đỏ...

Điền - Cờ đỏ...

Kmi-nô - Cái tàu nô lệ không có cờ này...

Điền - Cái tàu nô lệ không có cờ này!

Tôi nhìn lại tôi, soát lại tôi

Tôi, thằng Juan mới hôm qua thôi, trần trụi

Hôm nay, vẫn Juan ấy.

Có mọi thứ trên đời

Tôi quay mặt lại

Tự ngắm

LÀNG BÁC HỒ

Tự hỏi làm sao như vậy?
Tôi có, hãy xem nào
Tôi có niềm vui được đi khắp miền Tổ quốc
Bao nhiêu của cải trên đất này, tôi là chủ
Tôi nhìn thật gần những gì trước đó
Tôi không hề có, cũng không thể nào có được
Tôi có thể nói: mùa mía
Tôi có thể nói: dãy núi
Tôi có thể nói: thành phố
Tôi có thể nói: bộ đội
là của tôi mãi mãi, và của Anh
Của chúng ta,
và một vầng trán rộng
có sao, tia sáng và hoa⁽¹⁾

Con tàu đã cập bến quảng trường.

Vùng sáng xanh dịu viền chân trời khi trăng sắp
dụng phía hồ Tây. Các cháu chơi tung tăng quanh những
ô vuông chiếu cỏ. Tất cả, trong ngân từng nét quê
hương.

Đến đây càng thấy rõ mặt quê hương. Có Bác Hồ
mới gặp lại được đất quê.

Ôi buổi trưa nay, tuyệt trần nắng đẹp
Bác Hồ ơi! Toàn thắng về ta
Chúng con đến, xanh ngời ánh thép
Thành phố tên Người, lộng lẫy cờ hoa

(1)- Tôi có - thơ Ni-cô-la Ghiden (Cu Ba). Các đoạn thơ của N.Ghiden đều của Chu Huy Sơn dịch.

Cho chúng con giữa vui này được khóc
Hôn mỗi đứa em, ôm mỗi mẹ già
Như lòng Bác, mỗi khi Bác đọc
Đồng bào miền Nam mắt kính bỗng nhoà

Chúng con sẽ gấp trăm lần mạnh
Đứng gác biển trời tươi mát màu lam
Bởi có Bác, từ nơi đây ra đi tìm đường
Kách mệnh
Cho chúng con nay được trở về, vĩnh viễn
Việt Nam⁽¹⁾.

2

Đến đây mới được thấy rõ quê hương. Đến đây, hỏi bạn.

Hỏi cây vạn tuế quê nhà. Cây vạn tuế phúc hậu lão lai đứng ở những khoảnh đất đẹp, vườn chùa, đồi cây các cụ phụ lão, trước cửa Lăng Bác Hồ. Cây vạn tuế mỗi năm ra một tàu lá. Cây vạn tuế xã Kim An đếm được hai mươi bảy tàu lá, vừa nở thêm tàu lá tơ còn đỏ hây.

Hỏi cây tre, cây trúc làng ta. Vừa ra khỏi đầu làng đã nghe gió đưa những tiếng xôn xao mùa hè, mùa đông thân quen.

Hỏi hoa đá, hỏi bậc thềm, đâu cũng thấy quê mình.

(1) Toàn thắng về ta - thơ Tố Hữu.

LÀNG BÁC HỒ

Bác Hồ trên cảng Sài Gòn năm 1911 ra đi tìm đường cứu nước.

Ba mươi năm sau, Bác Hồ trở về qua cột mốc biên giới 108 phía bắc, vào Cao Bằng. Bác Hồ là quê hương. Sự nghiệp vĩ đại của Bác Hồ cũng là hình ảnh mơ ước và hành động của mỗi chúng ta. Mỗi chúng ta đều mang tâm hồn quê hương. Mỗi ai đắm thắm tâm hồn quê hương, đến nhà Bác Hồ đều thấy như thế.

Khách nước ngoài ngạc nhiên đến lạ lùng về đức tính giản dị của Bác Hồ. Nhưng chúng ta hiểu đây là tinh hoa nếp sống giản dị thật Việt Nam. Nơi Bác Hồ làm việc, nơi Bác Hồ nghỉ, gần gũi như nơi cha ông mình ăn làm. Càng thấm thía hơn, thân thiết sâu xa hơn - bởi có chính hồn ta trong đó.

Nhà sàn Bác Hồ ở có hai gian, và hàng hiên - nhỉnh hơn chút ít nhà sàn Bác Hồ trong kháng chiến ở Việt Bắc. Một chiếc ghế, một bàn gỗ mộc đánh véc-ni, một ngăn kéo - bàn ghế gỗ tạp thường gặp ở bất cứ nhà ai. Cửa sổ, chiếc màn buông lửng. Trên bàn, sổ tay ghi việc. Mấy hòn cuội chặn giấy. Những quyển sách đang đọc. Quyển Vì nước, vì dân, người tốt việc tốt trong quân đội để dưới chao đèn.

Nơi nào cũng gợi nên nếp đơn sơ. Chiếc chiếu trải giữa sàn trông ra hiên. Đêm mát, Bác Hồ nằm đọc sách chỗ ấy. Thoáng mùi hoa huệ ngoài vườn. Mùi huệ vườn Bác Hồ hay vườn nhà ai làng Ngọc Hà bên kia cũng trông huệ, trông hoa lan, hoa ngâu, hoa nhài, chẳng khác vườn Bác Hồ. *Trăng vào cửa sổ đòi thơ..*

Đất nước thân yêu từ mũi Cà Mau lên chớp núi cao nguyên Đồng Văn phẳng phất trải dài qua đây.

Cây vú sữa trồng trong vườn, thấp thoáng qua hàng dừa lửa đỏ rực. Khác nào đường đi từ Cà Mau ra biển, ra Sa Huỳnh.

Mặt ao cá in bóng nếp nhà sàn mảnh khảnh. Cửa sổ nhà sàn Bác Hồ, khách đến chơi nằm gối đầu thành thơi trông ra. Tưởng như ta lên Mai Châu vùng Mường. Câu cửa miệng nói "cơm trên cá dưới" phong lưu ở đây được vẽ ra trong tự nhiên là đồng quê, ruộng nước cũng là ao cá, cá dưới nước, lúa trên mặt.

Gốc bàng cổ thụ cạnh bậc gạch xuống ao cá. Nhiều phường ở kinh thành ngày trước có vườn bàng. Những cây bàng cổ thụ trên bờ sông Hồng ra cửa Ô Yên Hoa bây giờ còn đỏ lá, khi mùa thu sang. Con đường gạch quanh bờ ao. Có phải ta đang đi trên những đường làng Hà Đông lát gạch chỉ nghiêng.

Bờ giậu hồng bụi. Ở quê Kim Liên, nhà nào cũng có hàng rào hồng bụi, hàng rào đuối như nhà Bác Hồ ở đây.

Đến nhà Bác Hồ, gọi nhớ những thường ngày quen thuộc nhà mình. Đường từ nhà Bác sang bên Lãng, mấy bước vẫn ngỡ đang qua vườn cây đất nước.

Bụi tre ngô Nước Hai thẳng duột, đồng bào Tây Nguyên và Việt Bắc vẫn lấy tre cắm nêu và dựng vòng đánh "còn" ngày Tết. Những gốc tầm vông sông Tiền. Đội du kích sông Tiền sông Hậu vác mác tầm vông tay không đánh giặc ngày ấy. Những cây luồng Thượng

LĂNG BÁC HỒ

Thanh, giống dẻo bền, ở đâu làm nhà cũng phải chuộng. Những hàng cây chò nâu núi Nghĩa Lĩnh đất Tổ. Cây dầu nước Nam Bộ, rừng nào cũng có, chen giữa những cây ban Tây Bắc.

Những cây đại, cây vạn tuế Bắc Ninh, Hà Đông. Cây quế Quế Sơn. Cây đa chiết ở cội đa Tân Trào. Cây si, cây xanh, cây đề, cây thông núi Hoàng Liên. Như đi đến cửa chùa, cửa miếu, cửa nghĩa trang liệt sĩ tỉnh mạc làng quê.

Qua hai bên cánh Lăng, lại như bước lên miệt vườn ven sông Cửu Long, sông Thu Bồn, sông Hương, những làng mạc ruộng bàn cờ đồng bằng sông Hồng, sông Mã, sông Thái Bình. Thấp thoáng lờn bon xứ Quảng. Măng cụt, chôm chôm, sầu riêng miền Tây. Bưởi Biên Hoà. Dừa Bình Định.

Trước mặt xanh xanh một trăm sáu mươi tám vuông cỏ như những ô ruộng muối ven biển, những tấm chiếu cạp điều trải ngày đại lễ. Bàn chân đặt tới, dường như đương bước trên những tùm cỏ ấu, cỏ gà, cỏ mật ở đồng quê đâu đâu cũng gặp. Khi tấm bé thường nằm chơi trên những bãi cỏ mượt mà ấy ở đầu xóm, nghe lá cỏ nở thì biết mùa xuân đương đến.

Đất nước ta vào xuân. Hôm nay và ngàn xưa.

Khi nhà Lý dời đô từ Trường Yên ra Thăng Long, thổ ngơi ven sông Cái này đã trù phú, đông vui rồi. Trong lòng đất, các nhà khảo cổ gặp toàn chân đá ong tường thành. Những chiếc hũ sành bốn tai đời Lý. Chiếc

móc gỗ đẽo khắc buộc gầu kéo nước, cạnh bờ giếng. Cái giếng cổ xây gạch hòm sớ, ba ngang một dọc, đáy rải sỏi - kiểu giếng hơn nghìn năm trước.

Mặt nước hồ Tây bát ngát tới ven sông Hồng, vùng đất vô mười ba trại của người anh hùng cứu quốc Lý Thường Kiệt. Nhà Bác Hồ ở đầu một trại, trại Hàng Hoa.

Những chứng tích chiến thắng mới nhất còn ngổn ngang trong vườn Bách Thảo. Chiếc pháo đài bay B.52 của Mỹ bây giờ còn phơi xác ở đấy. Vai cánh nó rách sã, dựng một đồng. Chiến công đưa thời cơ lớn đến cho quân dân ta tiến tới chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Muôn đời con cháu cả nước quây quần quanh Bác Hồ.

Nhà Bác Hồ trên quê ta, đất tổ tiên ta.

*

* *

Ngồi trong cửa sổ nhà sàn, trông sang Lăng, thấy như chồm núi xanh trong ráng chiều.

Ai đã lên Pắc Bó cũng phải bồi hồi đến chỗ hang đầu nguồn Cốc Bó, có suối Khuổi Nậm chảy ra. Bác Hồ đã ở đấy. Bây giờ Bác Hồ lại như ung dung về núi, làm ông cụ Thu Sơn ngày trước.

Như mong muốn của Bác Hồ, khi nào được thông thả. Chiếc cầu suối Pắc Bó mới lợp bắc qua xóm. Tiếng trẻ gọi trâu. Cụ già đi hái củi. Ngắt lá ổi nấu nước mời khách. Chiều chiều, ra tưới vườn cải...

LĂNG BÁC HỒ

Câu thơ ngày trước của Bác nào khác bây giờ:

Kháng chiến thành công ta trở lại

Trăng xưa hạc cũ với xuân này.

Nhà Bác Hồ ở đây. Nhà sàn ao cá, như câu cá suối Pắc Bó. Bác Hồ nằm nghỉ trong kia. Bộ kaki Nam Định chẳng khác mấy chiếc áo dân tộc Nùng hôm cháu Kim Đồng đưa Bác Hồ đi công tác. Bác Hồ nằm nghỉ, đôi mắt mới chợp giấc. Như vừa ở bàn làm việc bên nhà sàn, đứng dậy, đi qua bờ ao sang đây. Như ông lão ở làng mừng, như ông già Nùng đi cào cỏ ruộng về nhà ở trong núi.

Tựa vách đá, nghĩ đến núi. Tấm lòng Bác Hồ vô cùng yêu thương các dân tộc anh em. Tây Bắc, Tây Nguyên, người Mông, người Dao, người Ê Đê, các cụ già Ba Na tìm gỗ quý. Đội ngũ công nhân làm Lăng Bác Hồ là người của mười bốn dân tộc anh em về đây.

Bởi vì tất cả dân tộc và đất nước mong muốn muôn ngàn năm Bác Hồ ở giữa mọi người, bây giờ hay mai sau, Bác Hồ chúng ta vẫn thế. Thanh thản, trong sáng, đời đời.

LĂNG BÁC HỒ

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung - Hà Nội. ĐT: 04 39434 730 - 04 39428 632 - Fax: 04 38229 085

Internet web site: <http://www.nxbkimdong.com.vn> - Email: kimdong@hn.vnn.vn

TRUNG TÂM SÁCH KIM ĐỒNG MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Kiêm - TP Đà Nẵng. ĐT: (0511)812 333 - 3812 335 - Fax: (0511) 3812 334

Email: mtkimdong@dng.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG

268 Nguyễn Đình Chiểu - TP Hồ Chí Minh. ĐT: 08 39303 832 - Fax: 08 39305 867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : **PHẠM QUANG VINH**

Chịu trách nhiệm bản thảo : **NGUYỄN HUY THẮNG**

Biên tập : **SÔNG THAO**

Trình bày : **KIM ĐIệp**

Sửa bài : **HỒNG VÂN**

In 1.500 bản - Khổ 14,5 cm x 20,5 cm - Tại Công ty In và Văn Hóa Phẩm

Số XB: 05-2010/CXB/817-161/KĐ cấp ngày 2/12/2009

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3/2010.

Kỉ niệm 120 năm ngày sinh Bác Hồ kính yêu
Mời các bạn tìm đọc TỦ SÁCH BÁC HỒ
của Nhà xuất bản Kim Đồng

- Búp sen xanh
 - Cha và con
 - Từ làng Sen
- Bác Hồ - Người cho em tất cả
- Hồ Chí Minh - Đẹp nhất tên Người
- Bác Hồ viết di chúc và Di chúc của Bác Hồ
 - Bác Hồ kính yêu
 - Lăng Bác Hồ
 - Theo chân Bác
 - Cháu Bác Hồ
 - Kể chuyện Bác Hồ
 - Bác Hồ của chúng em
- Thư ký Bác Hồ kể chuyện (6 tập)
 - Người ném bóng một mình
 - Nhật ký trong tù
 - Hồi ký về Bác Hồ (6 tập)
 - Về với quê Bác

